

GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ □
NET ASSET VALUE OF THE FUND

(tuần từ 14/10/2020 đến 20/10/2020)

(Reporting period: from Oct 14th 2020 to Oct 20th 2020)

Tên công ty quản lý quỹ/ Fund Management Company:

Tên ngân hàng giám sát / Supervising bank:

Tên Quỹ/ Fund name:

Ngày định giá/ Valuation date:

Ngày giao dịch gần nhất/ Latest trading date:

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư MB/ MB Capital Management Joint Stock Company

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Hà Thành

Bank for Investment and Development of Vietnam Jsc - Hathanh Branch

Quỹ đầu tư Trái phiếu MB/ MB Bond Fund

21/10/2020

21/10/2020

Tên quỹ mở/ Fund name	Giá dịch vụ phát hành (% giá trị giao dịch) (*) / Subscription Fee (% of transaction amount)	Giá dịch vụ mua lại (% giá trị giao dịch)(**) / Redemption Fee (% of transaction amount)	Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ tại ngày định giá (NAV) / NAV per unit at Valuation Date	Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ tại ngày định giá kỳ trước / NAV per unit at last Valuation Date	Tăng/Giảm giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ so với kỳ trước (%) / Change in NAV per unit compared to last Valuation Date (%)	Biến động giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trong năm / Change in NAV per unit in 1-year		Tỷ lệ sở hữu của NĐT NN/ Ownership ratio of foreign investors		
						Mức cao nhất (VND) / Highest level	Mức thấp nhất (VND) / Lowest level	Số lượng đơn vị quỹ / Number of fund unit	Tổng giá trị tại ngày giao dịch / Total value on trading date	Tỷ lệ sở hữu / Ownership ratio
Quỹ đầu tư Trái phiếu MB/ MB Bond Fund (MBBOND)	0.0%	0 - 1%	11,604	11,541	0.55%	11,604	8,998	-	-	0.00%

Ghi chú/Note:

(**) Mức giá dịch vụ mua lại căn cứ vào thời hạn nắm giữ chứng chỉ quỹ và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch thực hiện được (Redemption fee is based on the holding period and calculated as the percentage of executed value)

Giá dịch vụ mua lại bằng 1% đối với thời gian nắm giữ chứng chỉ quỹ từ 0 đến dưới 1 tháng; bằng 0,85% đối với thời gian nắm giữ chứng chỉ quỹ từ 1 đến dưới 3 tháng; bằng 0,5% đối với thời gian nắm giữ chứng chỉ quỹ từ 3 đến dưới 6 tháng; bằng 0,25% đối với thời gian nắm giữ chứng chỉ quỹ từ 6 đến dưới 9 tháng; bằng 0,1% đối với thời gian nắm giữ chứng chỉ quỹ từ 9 đến dưới 12 tháng; miễn phí đối với thời gian nắm giữ chứng chỉ quỹ từ 12 tháng trở lên (Redemption fee equals to 1% for holding period under 1 months; 0,85% for holding period from 1 months to under 3 months; 0,5% for holding period from 3 months to under 6 months; 0,25% for holding period from 6 months to under 9 months; 0,1% for holding period from 9 months to under 12 months; and 0% for holding period from 12 month.)

Đại diện có thẩm quyền của ngân hàng giám sát □
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Đại diện có thẩm quyền của Công ty QLQ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành
Phó Giám đốc - Ngô Thị Thu Cúc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư MB